

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HS-ST
Ngày 27-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Ương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Quý Nam

Bà Vương Ánh Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Linh Đức Hợp, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 434/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Đào Thị S (tên gọi khác: V) - sinh ngày 12 tháng 12 năm 1969 tại Q, huyện Tr, Cao Bằng.

Nơi cư trú: Xóm C, thị trấn Q, huyện Tr, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Xe ôm; trình độ văn hóa: lớp 05/12 PT; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn T (đã chết) và con bà Triệu Thị Tr (đã chết); có chồng là Lý Văn Ch (đã chết) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 1996; Tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

Người làm chứng:

- Nguyễn Văn T1. Sinh năm 1973

Trú tại: Thôn Y, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

- Mạc Văn M. Sinh ngày 26/9/1989

Trú tại: Thôn 7, M, xã Y1, huyện Y2, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Mạc Văn S1. Sinh ngày 11/01/1994

Trú tại: Thôn 7, xã Y1, huyện Y2, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

- Mạc Văn B. Sinh ngày 29/8/1987
Trú tại: Thôn 7, M, xã Y1, huyện Y2, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.
- Nguyễn Văn Nh. Sinh năm 1988
Trú tại: Thôn 9, xã Y1, huyện Y2, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.
- Bàn Văn Tr. Sinh ngày 07/7/1982
Trú tại: Thôn 9, xóm M, xã Y1, huyện Y2, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.
- Đặng Văn K. Sinh ngày 05/5/1970
Trú tại: Thôn 8, xã Y1, huyện Y2, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.
- Hà Thị K1. Sinh ngày 24/3/1985
Trú tại: Thôn 7, M, xã Y1, huyện Y2, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.
- Nguyễn Trọng H. Sinh ngày 20/10/1990
Trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.
- Nguyễn Thị H1. Sinh ngày 20/9/1994
Trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.
- Nguyễn Văn X. Sinh ngày 27/3/1984
Trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.
- Lê Thị L. Sinh ngày 05/5/1989
Trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.
- Đào Văn S2. Sinh ngày 13/8/1987
Trú tại: P, thị trấn Q, huyện Tr, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

Người bào chữa:

- Bà Nông Thị Thu Trang - Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng bào chữa cho bị cáo Đào Thị S. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị H1 sinh ngày 20/9/1994 (ở Thôn Đ, xã Q1, huyện X, Thanh Hóa) có cô ruột là Nguyễn Thị L3 (lấy chồng bên Trung Quốc) được khoảng 20 năm nay, qua mạng điện thoại Zalo L3 có gọi điện thoại về cho bố mẹ của H1 ở Việt Nam. Khoảng giữa tháng 3/2018 L3 có liên lạc với H1, biết vợ chồng H1 không có công việc ổn định và muốn sang Trung Quốc làm thuê, nên L3 đã cho H1 số điện thoại của Đào Thị S (đang sinh sống ở xóm C, thị trấn Q, huyện Tr, tỉnh Cao Bằng), L3 nói với H1: “nếu muốn đi Trung Quốc làm thuê, S sẽ là người đón, L3 nhận người bên Trung Quốc”. Ngày 18/3/2018 chồng của Nguyễn Thị H1 là Nguyễn Trọng H gọi điện cho S, hỏi và được biết: “muốn sang Trung Quốc làm thuê, S sẽ đưa đi và mỗi người đi phải bỏ ra một khoản tiền là 850 nhân dân tệ”, sau khi trao đổi với anh trai là Nguyễn Văn X và chị dâu là Lê Thị L, H nói lại với S: “có 04 người đi”, S đã hướng dẫn cho H đón xe khách đến thị trấn Q, huyện Tr, thì gọi điện cho S ra đón. Ngày 20/3/2018 cả 04 người từ Thanh Hóa ra Hà Nội và đón xe khách lên Cao Bằng, rồi đi vào huyện Tr. Khoảng 7h ngày 21/3/2018 S cùng Đào Văn S2 (là cháu ruột của S) đi xe máy đến Bưu điện huyện Tr đón, S và S2 đưa 04 người bằng xe máy (đến H1, thị trấn Q) để vượt biên giới

trái phép sang Trung Quốc, trước đó S đã gọi điện cho người quen (ở bên Trung Quốc) chờ đón, khi đến biên giới (Việt - Trung) S lấy tiền công dẫn đường là 600.000đ, (sáu trăm nghìn đồng). Bốn người sang đất Trung Quốc, lên xe ô tô đi được một lúc, thì bị Công an Trung Quốc kiểm tra, tạm giữ, đến ngày 28/3/2018 thì cả 04 người được Công an Trung Quốc trao trả cho Đồn Biên phòng cửa khẩu Tr, vụ án được khởi tố điều tra theo quy định.

Kết quả điều tra còn xác định được: Vì làm nghề xe ôm, S có quen biết người có tên là K3 (lấy chồng Trung Quốc). Khoảng trước tết nguyên đán năm 2018, K3 điện thoại cho S đến đón một người (ở biên giới Việt - Trung), S đến nơi đón và biết Nguyễn Văn T (quê ở huyện N, tỉnh Thanh Hóa) hai người có trao đổi số điện thoại với nhau và nói chuyện sang Trung Quốc làm thuê, vì trước đây T từng đi làm thuê bên Trung Quốc (từ năm 2010 qua cửa khẩu M1, tỉnh Quảng Ninh), nhưng do Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Ninh tuần tra thường xuyên, nên T về Việt Nam, muốn qua cửa khẩu khác để đi - về được thuận lợi. Thông qua một người phụ nữ Việt Nam tên là Th (ở tỉnh Thái Nguyên) cùng đi làm thuê với T (ở Trung Quốc). T biết K3, nên T đã nhờ K3 dẫn đường để về Việt Nam, qua cửa khẩu huyện Tr, S là người đón T. Từ đó T quen biết Đào Thị S và thường xuyên trao đổi Wechat với nhau. Thời gian này, anh trai của T là Nguyễn Văn M2 cùng vợ Lê Thị Th2 cũng muốn đi Trung Quốc làm thuê, T gọi điện cho S đón, S đồng ý. Khoảng tháng 3/2018, M2 cùng vợ đi xe khách đến huyện Tr, theo hướng dẫn của S, S đón và đưa hai vợ chồng anh M2 bằng xe máy (đến xóm H, thị trấn Q), S thu 300.000đ và giao hai vợ chồng M2 cho K3, rồi quay về nhà, *đến nay chưa thấy vợ chồng anh M2 quay về địa phương*.

Lần thứ hai: Sau lần thứ nhất khoảng 10 ngày, T tiếp tục liên lạc với S qua Wechat, thông báo có 09 người (từ Thanh Hóa đến huyện Tr, Cao Bằng) để S đón, trong nhóm người này, có vợ của T (là Đỗ Thị H4), Trần Văn T5, Nguyễn Văn H6 (cùng làng với T), Nguyễn Văn T6, Nguyễn Văn S4, Nguyễn Thị Th3 và 03 người (ở làng khác) T không nhớ chính xác, cùng đi xe khách từ Thanh Hóa đến huyện Tr (theo hướng dẫn của S), S đón tại Bưu điện huyện Tr và đưa đến H, thị trấn Q, thu của mỗi người là 150.000đ/1 người, được số tiền 1.350.000đ, nhóm người này, S giao cho K3 đi sâu vào nội địa, *cho đến nay nhóm người này chưa có ai quay trở lại địa phương*.

Lần thứ ba: Ngày 15/4/2018 Đồn Biên phòng cửa khẩu huyện Tr tiếp nhận thêm 07 người, do Công an Trung Quốc trao trả gồm: Hà Thị K1, Mạc Văn S1, Mạc Văn B, Mạc Văn M, Đặng Văn K, Bàn Văn Tr, Nguyễn Văn Nh (đều có hộ khẩu thường trú tại huyện Y2, tỉnh Tuyên Quang). Trước đó vì có nhu cầu đi Trung Quốc làm thuê, Mạc Văn S1 điện thoại hỏi người có tên là B3, biết số điện thoại 01659 369 xxx của S, S1 gọi điện cho S, trao đổi việc đưa người sang Trung Quốc làm thuê, S đồng ý. Ngày 14/11/2017 S1 cùng 06 người trên, theo xe khách (từ nơi cư trú ở tỉnh Tuyên Quang đến huyện Tr) theo hướng dẫn của S, S đã đón tại Bưu điện huyện Tr, S cùng Đào Văn S2 đi xe máy đưa 07 người đến biên giới, vượt biên theo lối mở sang Trung Quốc, trước khi sang Trung Quốc, Hà Thị K1 (đại diện cho cả nhóm) đã đưa tiền công cho S là: 1.000.000đ, (Một triệu đồng). Sau đó, nhóm người này bị Công an Trung Quốc bắt giữ khoảng 05

tháng và được trao trả qua cửa khẩu huyện Tr, được Đồn Biên phòng Tr tiếp nhận ngày 15/4/2018. Cơ quan điều tra đã quyết định thu giữ điện tín số thuê bao 0165 369 xxx, Công ty Viettel Chi nhánh tại Cao Bằng đã cung cấp lịch sử cuộc gọi từ số thuê bao 0165 369 xxx, lời khai nhận của Đào Thị S phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra vụ án Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 điện thoại OPPO số IMEL *#06# 866977038140xxx; 01 điện thoại hiệu Masstel số IMEL 355058080025xxx; riêng chiếc xe máy hiệu Honda Wave màu xanh BKS 11B1 10xxx đăng ký mang tên Đào Thị S là phương tiện duy nhất mưu sinh của S cơ quan chức năng không tiến hành tạm giữ.

Tại bản Cáo trạng số: 31/CT-VKSCB(P1) ngày 10/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Đào Thị S về tội: “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Đào Thị S khai: Con gái của bị cáo tên là Lý Thị R (đã lấy chồng và sinh sống tại Trung Quốc 06 năm) nhưng bị cáo chỉ sang Trung Quốc 01 lần. Khoảng thời gian tháng 11/2017, bị cáo đang đi làm xe ôm và đón một khách, từ chợ (thị trấn Q, huyện Tr) lên khu vực biên giới, thì người khách đó xin số điện thoại của bị cáo. Khoảng một tuần sau, người này gọi điện thoại cho bị cáo nói là: “muốn sau này sẽ nhờ bị cáo đón một số người ở dưới xuôi lên, đón tại khu vực (thị trấn Q, huyện Tr) để vượt biên sang Trung Quốc. Khi sang bên Trung Quốc, sẽ có người đón”, đồng thời người đàn ông này cũng cho bị cáo số điện thoại của người bên Trung Quốc. Bị cáo nói với người đàn ông này: “việc đón, đưa những người Việt Nam vượt biên qua Trung Quốc là rất khó, nên sẽ lấy tiền công là 150.000đ/1 người”, người này chấp thuận. Một ngày sau, bị cáo đi mua một chiếc điện thoại thông minh và nhờ nhân viên cửa hàng lập Wechat, bằng số điện thoại của bị cáo, thì những người này kết bạn với bị cáo, sau đó bị cáo mới biết người đàn ông tên là T, còn người ở bên Trung Quốc là một người phụ nữ tên K3, cũng biết nói tiếng Việt Nam.

Sau đó T có liên lạc qua Wechat với bị cáo, để bị cáo đón và đưa người sang Trung Quốc với mục đích đi làm thuê, tổng cộng 03 lần.

Lần 1: Vào khoảng tháng 2/2018, T liên lạc qua Wechat với bị cáo để đưa 39 người, trong đó có người nhà của T (sang Trung Quốc làm thuê) qua Cao Bằng. Bị cáo đồng ý với T và nói tiền công bị cáo đón và đưa người sang khu vực biên giới (thuộc địa phận đất Trung Quốc) là 150.000đ/1 người. Khi sang đến đất Trung Quốc thì K3 sẽ đến đón và đưa đến nơi làm thuê.

Lần 2: Khoảng tháng 3/2018, T gọi điện Wechat cho bị cáo nói là: “ có 09 người đi sang Trung Quốc, trong đó có vợ của T tên là Đỗ Thị H4. T trao đổi với bị cáo khi nào đến thì đón nhóm người này để đưa sang Trung Quốc làm thuê. Trong nhóm 09 người này cũng có một người đàn ông (bị cáo không biết tên) có số điện thoại của bị cáo, gọi điện cho bị cáo nói là: “ đang trên đường từ Thanh Hóa đến Cao Bằng, khi nào đến Tr thì bị cáo đến đón và đưa sang Trung Quốc”. Khi 09 người này đến Tr, thì bị cáo đến đón và đưa lên biên giới, vượt biên trái

phép sang Trung Quốc, bị cáo lấy của mỗi người số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Lần 3: Cũng trong khoảng tháng 3/2018, tôi không nhớ chính xác về thời gian, T có gọi điện Wechat cho tôi nói là có 02 người là người nhà của T sang Trung Quốc làm thuê và nói tôi đến đón đưa sang Trung Quốc. Tôi đồng ý và đưa 02 người này vượt biên trái phép sang Trung Quốc.

Người làm chứng Nguyễn Văn T trình bày: Từ khi kết bạn qua Wechat với chị S, tôi được liên lạc với chị S để đón và đưa người sang Trung Quốc làm thuê hai lần. Cụ thể:

Lần thứ nhất vào khoảng tháng 3/2018 tôi được gọi Wechat cho chị S, để đón và đưa 02 vợ chồng anh trai tôi là Nguyễn Văn M2, Lê Thị Th2 vượt biên sang Trung Quốc làm thuê. Chị S đồng ý đến đón và đưa hai vợ chồng anh trai tôi sang Trung Quốc. Hiện nay vợ chồng anh M2 vẫn đang làm thuê ở bên Trung Quốc, chưa quay về địa phương.

Lần thứ hai, sau lần đầu khoảng 10 ngày, tôi tiếp tục gọi điện trao đổi qua Wechat với chị S nói là vợ tôi (tên Đỗ Thị H4) cùng 08 người nữa (lên Tr, Cao Bằng) rồi vượt biên sang Trung Quốc làm thuê. Chị S đồng ý đón và đưa 09 người sang Trung Quốc. Trong 09 người này có người gọi điện thoại cho chị S để đón, do có vợ tôi đi cùng, nên tôi cũng có trao đổi qua Wechat với chị S để khi nào vợ tôi đến, thì đón và đưa sang Trung Quốc.

Còn lần đưa 39 người sang Trung Quốc, như chị S khai báo, thì tôi không được liên hệ, trao đổi trước với chị S. Vì trong 39 người vượt biên sang Trung Quốc, có em trai tôi là Nguyễn Văn S4, Nguyễn Văn T6, Nguyễn Thị Th3, khi đi sang đến đất Trung Quốc thì bị lực lượng chức năng bắt, sau đó em trai tôi mới gọi điện về, thì tôi mới biết, tôi có trao đổi với chị S về việc này. Sau khi biết các em của tôi được trao trả (qua đường Kh, Cao Bằng), tôi có gọi Wechat cho chị S, để đón giúp về nhà chị S (vì đã bị thu hết tiền và điện thoại). Sau đó các em quay về Thanh Hóa làm hộ chiếu để sang Trung Quốc làm thuê. Hiện nay những người em của tôi vẫn đang làm thuê ở bên Trung Quốc, chưa trở về địa phương.

Người làm chứng Đào Văn S2 khai: Trong khoảng thời gian từ tháng 01 đến tháng 3/2018, tôi được chị S nhờ chở mấy lượt người (từ thị trấn Q, huyện Tr) đến biên giới rồi quay về. Còn việc chị S đưa người vượt biên trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc như thế nào thì tôi không rõ.

Những người làm chứng Mạc Văn M, Mạc Văn S1, Mạc Văn B, Nguyễn Văn Nh, Bàn Văn Tr, Đặng Văn K, Hà Thị K1, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Văn X, Lê Thị L khai tại cơ quan điều tra đều thừa nhận việc xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc làm thuê nhờ được một người phụ nữ tên V (tên thật là Đào Thị S) trú tại Tr, Cao Bằng, đưa sang và trả tiền công cho người phụ nữ này mỗi người 150.000đ.

Kết thúc việc hỏi tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội: Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Đào Thị S về tội: "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép". Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng,

giảm nhẹ đối với các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đào Thị S từ 08 - 09 năm tù.

Xử lý vật chứng vụ án: Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước 02 chiếc điện thoại bị cáo đã sử dụng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội. Chiếc xe máy bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội, nhưng xét về hoàn cảnh gia đình của bị cáo quá khó khăn, nên cơ quan điều tra không thu giữ đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về án phí: Buộc bị có phải chịu án phí theo quy định.

Người bào chữa Nông Thị Thu Trang bào chữa cho bị cáo Đào Thị S: Bị cáo Đào Thị S là người dân tộc, nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Bị cáo làm nghề xe ôm chuyên chở khách đến khu vực biên giới, vì hám lợi nên bị cáo đã nhận lời đưa những người này vượt biên trái phép sang Trung Quốc để nhận tiền công. Bị cáo là người có nhân thân tốt, luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật của nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, chưa có bất cứ vi phạm gì. Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tự nguyện nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính là 3.250.000,đ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Gia đình bị cáo S có hoàn cảnh khó khăn, đề nghị HĐXX cho bị cáo hưởng mức hình phạt, mức thấp nhất Viện kiểm sát đã đề nghị và không thu chiếc xe máy của bị cáo, vì chiếc xe này là phương tiện duy nhất, bị cáo sử dụng làm nghề xe ôm, nghề mưu sinh của bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Đào Thị S nhất trí với ý kiến của người bào chữa, không có ý kiến gì bổ sung, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Đào Thị S và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Đào Thị S tại phiên tòa, phù hợp với kết quả điều tra và các lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời

khai của những người làm chứng Nguyễn Văn T, Đào Văn S2 cùng những người mà các bị cáo được đưa sang Trung Quốc làm thuê, là anh Mạc Văn M, Mạc Văn S1, Mạc Văn B, Nguyễn Văn Nh, Bàn Văn Tr, Đặng Văn K, Hà Thị K1, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Văn X, Lê Thị L về động cơ, mục đích, thời gian, địa điểm cũng như cách thức đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Xét thấy hành vi của bị cáo tổ chức cho 22 người vượt biên sang Trung Quốc làm thuê, không làm thủ tục xuất, nhập cảnh theo quy định của pháp luật với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và nhận tiền công của người vượt biên trái phép sang Trung Quốc. Hành vi đó đã có đủ yếu tố cấu thành tội: “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức đưa người đi sang Trung Quốc lao động làm thuê mà không được phép của các cơ quan có thẩm quyền là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi trước mắt, không lường trước hậu quả, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an địa phương. Việc bị cáo tự ý tổ chức cho người khác qua biên giới lao động làm thuê, không có sự kiểm soát của các cơ quan chức năng, dẫn đến quyền lợi của người lao động không được bảo vệ, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm khác như buôn bán người, ma túy, các hàng cấm khác, cưỡng đoạt, cưỡng bức lao động và nhiều vấn đề an ninh trật tự phức tạp. Do vậy việc đưa bị cáo ra truy tố trước pháp luật là cần thiết nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3]. Về nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bản thân bị cáo làm nghề xe ôm ở khu vực biên giới và chuyên chở khách đến khu vực biên giới. Bị cáo đã có hành vi đưa người vượt biên sang Trung Quốc trái phép, không làm thủ tục xuất nhập cảnh và nhận tiền công từ họ mỗi người 150.000đ. Về động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo S, xuất phát từ việc tư lợi cá nhân, chưa có động cơ, mục đích nào khác. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tại phiên tòa, bị cáo xuất trình 01 biên lai thu tiền số AA/2016/0000097 ngày 10/8/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng, bị cáo nộp số tiền 3.250.000,đ là khoản tiền bị cáo đã thu của những đối tượng vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê. Do vậy, cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, trước khi phạm tội luôn chấp hành tốt quy định của pháp luật tại địa phương. Tuy nhiên, bị cáo có hành vi đưa một số lượng lớn người sang Trung Quốc nhiều lần, hiện nay một số người vẫn chưa quay trở lại địa phương. Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 là phạm tội 02 lần trở lên. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo, phù hợp với nhận

định của hội đồng xét xử. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc xem xét về mức hình phạt đối với bị cáo.

[4] Việc xử lý vật chứng:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, đã qua sử dụng, số IMEL*#06#:866977038140xxx, kèm theo 01 sim Viettel.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel, đã qua sử dụng, số IMEL: 355058080025xxx, kèm theo 01 sim Viettel.

Đây là những điện thoại bị cáo sử dụng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước.

Về chiếc xe máy, bị cáo dùng làm phương tiện xe ôm, nghề mưu sinh của bị cáo. Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo quá khó khăn, nên hội đồng xét xử không tịch thu chiếc xe đối với bị cáo.

Đối với Nguyễn Văn T, có liên lạc với Đào Thị S để đón và đưa người nhà vượt biên trái phép sang Trung Quốc lao động kiếm thêm thu nhập. Tuy nhiên, bản thân T không được hưởng lợi gì từ việc đưa người sang Trung Quốc làm thuê. Quá trình điều tra chưa có đủ căn cứ phản ánh Nguyễn Văn T có hành vi phạm tội nào khác, chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự. Cơ quan điều tra đã đề nghị Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Cao Bằng xử phạt hành chính đối với Nguyễn Văn T số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

Đào Văn S2 là người được Đào Thị S gọi đến để thuê chở người đến khu vực biên giới thuộc lãnh thổ Việt Nam, không biết mục đích của Đào Thị S đưa người sang Trung Quốc làm thuê, nên không xem xét xử lý Hình sự.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo Đào Thị S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đào Thị S phạm tội: “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đào Thị S 07 (bảy) năm tù.

Thời hạn chấp hành án phạt tù kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 19 tháng 9 năm 2018.

2. Việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

+ *Xử tịch thu sung phát mại công quỹ nhà nước:*

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, đã qua sử dụng, số IMEL*#06#:866977038140xxx, kèm theo 01 sim viettel.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel, đã qua sử dụng, số IMEL: 355058080025xxx, kèm theo 01 sim viettel.

Xác nhận toàn bộ số vật chứng trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 46 ngày 01 tháng 8 năm 2018.

- Xử Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền: 3.250.000,đ (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn). Xác nhận bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000097 ngày 10/8/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng,

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đào Thị S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000,0đ (hai trăm nghìn đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Đào Thị S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng An ninh điều tra Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THA dân sự;
- Bị cáo;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Ương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN-
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Quý Nam Vương Ánh Ngân

Phùng Thị Ương

